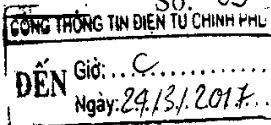


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09 /2017/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 02/năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về hoạt động đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 14../TTr-SKHCN ngày 16 tháng 02/năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt Quyết định ban hành Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

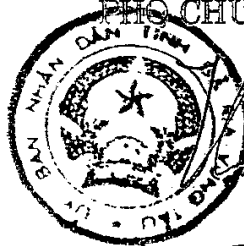
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, các đơn vị trực thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Sở Tư pháp (kiểm tra văn bản);
- Website Chính phủ;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SKHCN(2).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Đặng Minh Thông**

QUY ĐỊNH

Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2017/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là nhiệm vụ cấp tỉnh) của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; đề án khoa học cấp tỉnh; dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá

1. Căn cứ vào đặt hàng của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua cơ quan thường trực là Sở Khoa học và Công nghệ, hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) đã được ký kết và các nội dung đánh giá được quy định tại Quy định này.

2. Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

3. Bảo đảm tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

Điều 3. Kinh phí tổ chức đánh giá

1. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm và được giao dự toán về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh.

2. Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của nhiệm vụ cấp tỉnh theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh do Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ tự trang trải.

Chương II

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẤP TỈNH

Điều 4. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (sau đây gọi là Tổ chức chủ trì) có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Quy định này trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo theo hướng dẫn quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN).

Điều 5. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất hướng dẫn thể thức xây dựng báo cáo tổng hợp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ hiện nay.

Điều 6. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Quy định về nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời hạn 60 ngày. Thông tin đăng tải bao gồm:

a) Thông tin chung về nhiệm vụ: Tên; mã số; kinh phí; thời gian thực hiện; Tổ chức chủ trì nhiệm vụ, chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện chính nhiệm vụ;

b) Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu;

c) Nội dung báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Thời gian thực hiện đăng tải thông tin: Chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 8. Hội đồng và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc ban hành quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia tư vấn được thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Tổ chuyên gia) được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng) có từ 07 đến 09 thành viên; bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, hai (02) ủy viên phản biện, các ủy viên và ủy viên thư ký khoa học. Chủ tịch Hội đồng tư vấn có thể là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ hoặc là những chuyên gia, người làm khoa học ở bên ngoài có uy tín, kinh nghiệm và có nhiều am hiểu chuyên môn trong lĩnh vực liên quan. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định chỉ định 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học. Các ủy viên phản biện là những chuyên gia, người làm khoa học và công nghệ có kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực liên quan.

a) Cơ cấu Hội đồng gồm: 2/3 tổng số thành viên là các chuyên gia, người làm khoa học và công nghệ có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được đánh giá; 1/3 tổng số thành viên còn lại là đại diện của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan đề xuất đặt hàng. Trong đó, có ít nhất 01 thành viên là chuyên gia, người làm khoa học và công nghệ đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ;

b) Thành viên là các chuyên gia, người làm khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản này làm việc tại Tổ chức chủ trì có thể tham gia Hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học.

4. Tổ chuyên gia có 03 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng làm Tổ trưởng.

5. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

6. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 9. Phiên họp của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu

1. Tài liệu đánh giá, nghiệm thu được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN. Sở Khoa học và Công nghệ gửi tài liệu đến các thành viên Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có) trước phiên họp ít nhất 05 ngày làm việc.

2. Phiên họp Hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng và Hội đồng chỉ được tiến hành họp khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng; trong đó, phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, hai ủy viên phân biện và ủy viên thư ký khoa học;

b) Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được đầy đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của các thành viên dự phiên họp của Hội đồng và ý kiến thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) trước phiên họp Hội đồng;

c) Trường hợp phiên họp Hội đồng đủ điều kiện tổ chức theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này, nếu thành viên vắng mặt cử người thay thế tham dự, thì người thay thế vẫn có thể tham dự phiên họp để trình bày quan điểm cá nhân nhưng không có quyền biểu quyết thông qua; hoặc nếu thành viên vắng mặt có bài nhận xét gửi Hội đồng, thì bài nhận xét chỉ có giá trị tham khảo.

3. Thành phần tham dự các phiên họp của Hội đồng

a) Thành viên Hội đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện Tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện các đơn vị có liên quan, các thành viên khác do Sở Khoa học và Công nghệ mời trong trường hợp cần thiết;

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định chỉ định thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng.

4. Chương trình họp Hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ nêu những nội dung, yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá, nghiệm thu theo hướng dẫn tại Quy định này;

c) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.

5. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng thông nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng theo các quy định của Quy định này;

b) Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng;

c) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên thuộc Hội đồng; trong đó, có một Trưởng ban để tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ và báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

đ) Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng;

e) Tổ trưởng Tổ chuyên gia báo cáo kết quả thẩm định đối với nhiệm vụ (nếu có); các thành viên Hội đồng trình bày nhận xét cá nhân đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ; Ủy viên thư ký khoa học nêu nội dung phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có). Những ý kiến khác biệt sẽ được các thành viên Hội đồng tiếp tục trao đổi, thảo luận và thống nhất;

g) Các thành viên Hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ và tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ; Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu. Phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ và Biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại điểm g khoản 5 Điều 10 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN;

h) Chủ tịch Hội đồng thông qua kết luận đánh giá của Hội đồng theo hướng dẫn quy định tại điểm h khoản 5 Điều 10 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN. Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét xử lý theo quy định hiện hành;

i) Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có).

6. Ý kiến kết luận của Hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho Tổ chức chủ trì trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

7. Những văn bản do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký để triển khai các công việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Yêu cầu đánh giá của Hội đồng

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua phiếu đánh giá do Sở Khoa học và Công nghệ gửi đến.

2. Các thành viên Hội đồng đánh giá một cách độc lập, không trao đổi về kết quả đánh giá của mình.

3. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đúng quy định cho từng nội dung đánh giá.

4. Phiếu không hợp lệ là phiếu do thành viên bỏ trống hoặc đánh giá không theo quy định.

5. Kết quả xếp loại chung của nhiệm vụ dựa trên kết quả đánh giá của từng chuyên gia theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 12 Quy định này.

Điều 11. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt được đối với báo cáo tổng hợp

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Đối với sản phẩm là nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia do Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

c) Đối với sản phẩm là kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

Điều 12. Phương pháp đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Đánh giá của thành viên Hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 11; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần được chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên;

c) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải bảo đảm đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

2. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

b) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 tổng số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt;

c) Mức "Đạt" nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b khoản này.

3. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá ở mức "Đạt" trở lên, theo hướng dẫn quy định Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia phản biện để có kết luận cuối cùng trước khi quyết định.

Điều 13. Tư vấn độc lập

1. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn độc lập trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng không thống nhất về kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ;
- b) Hội đồng vi phạm các quy định đánh giá, nghiệm thu tại Quy định này;
- c) Xem xét, xác nhận hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu (nếu có);
- d) Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động và kết luận của Hội đồng trước khi quyết định công nhận kết quả.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ mời 02 (hai) chuyên gia có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ hoặc 01 (một) tổ chức tư vấn độc lập đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập là căn cứ bổ sung để Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đưa ra các kết luận cuối cùng trước khi quyết định nghiệm thu.

3. Yêu cầu đối với chuyên gia tư vấn độc lập và thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập được thực hiện theo Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Yêu cầu đối với tổ chức tư vấn độc lập: Là tổ chức có năng lực và kinh nghiệm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; có kinh nghiệm trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ hoặc sản xuất sản phẩm tương đương sản phẩm của nhiệm vụ; có đội ngũ cán bộ có trình độ cao về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ.

Điều 14. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

2. Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có kết quả thực hiện nhiệm vụ bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc không gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp tỉnh theo Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Chương III **ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ** **CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẤP TỈNH**

Điều 15. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

Tổ chức chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo hướng dẫn tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và nộp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ. Mẫu quyết định được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì nhiệm vụ và các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu về đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cho các bên liên quan theo yêu cầu.

3. Chủ trì và phối hợp với các bên liên quan chuyển giao kết quả nghiên cứu nhiệm vụ.

4. Lưu giữ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định.

5. Bảo mật thông tin của các chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập.

Điều 18. Trách nhiệm của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc cấp kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tham gia cùng với Sở Khoa học và Công nghệ xử lý các vấn đề có liên quan đến xử lý tài sản khi chấm dứt hợp đồng.

3. Xử lý tài chính theo quy định đối với các trường hợp của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến bằng văn bản đánh giá không đạt yêu cầu; thu hồi kinh phí đã cấp theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ do mình đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hàng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ để được tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Bảo đảm các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thành các bước đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy định này.

2. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

3. Không được trao đổi với chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập về các vấn đề có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Cùng chủ nhiệm nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

5. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo hướng dẫn quy định tại Điều 15 Quy định này.

6. Hàng năm báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm khoa học và công nghệ và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

2. Cùng Tổ chức chủ trì nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

3. Không được trao đổi với chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập về các vấn đề có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Nghiên cứu, đánh giá hồ sơ nhiệm vụ được cung cấp.

2. Có ý kiến về những nội dung đánh giá, các yêu cầu cần bổ sung hoàn thiện và đưa ra mức phân loại của nhiệm vụ theo hướng dẫn quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập phải giữ bí mật thông tin về nhiệm vụ được giao.

4. Không được trao đổi với chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân khác về các vấn đề có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 23. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng

1. Thành viên Hội đồng đánh giá, nghiệm thu có trách nhiệm

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN;

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá, nghiệm thu;

c) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến đánh giá;

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm báo cáo

và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá của Hội đồng theo yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ủy viên Hội đồng được bầu làm thành viên ban kiểm phiếu ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng.

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia

1. Việc kiểm tra, thẩm định các sản phẩm khoa học công nghệ (Mẫu sản phẩm, mô hình, bản vẽ thiết kế, báo cáo thử nghiệm, ứng dụng, các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm của nhiệm vụ) được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều 24. Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Khảo sát tại hiện trường, yêu cầu tổ chức đo kiểm các thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu cần thiết).

3. Lập báo cáo thẩm định sản phẩm theo hướng dẫn quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN và gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước phiên họp của Hội đồng.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện

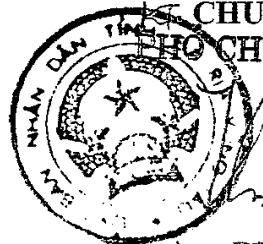
1. Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ xem xét đánh giá, nghiệm thu. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu do tổ chức, cá nhân đề nghị chịu trách nhiệm chi trả.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để được nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông